

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ CỦA CÁC VƯƠNG TRIỀU LÝ, TRẦN, LÊ

VŨ TRƯỜNG GIANG *

Tóm tắt: Dân tộc là vấn đề luôn được các vương triều Lý, Trần, Lê quan tâm. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện chính trị, kinh tế, quân sự của mỗi vương triều, cũng như tác động của quan hệ ngoại giao với các quốc gia trong khu vực mà chính sách đối với các dân tộc thiểu số có những sự khác nhau nhất định. Chính sách truyền thống của các vương triều Lý, Trần, Lê đối với các dân tộc thiểu số có 2 khía cạnh nổi bật: Một mặt là mua chuộc các thủ lĩnh; mặt khác là dùng vũ lực trấn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân. Tựu chung nhất của chính sách này là “nhu viễn” (mềm mỏng đối với phương xa).

Từ khóa: Chính sách, dân tộc thiểu số, Lý, Trần, Lê.

Từ thế kỷ XI đến XV, chế độ phong kiến Việt Nam phát triển rực rỡ với một nhà nước trung ương tập quyền được xây dựng vững chắc. Đây cũng là giai đoạn dân tộc ta phải đối đầu với những thế lực ngoại xâm hùng mạnh. Chính điều này đòi hỏi nhà nước phong kiến, bên cạnh việc chăm lo xây dựng kinh tế, phát triển lực lượng quân sự, còn phải có chính sách đối với các dân tộc thiểu số đúng đắn. Do những nguyên nhân lịch sử khác nhau mà các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú ở vùng rừng núi, hoặc khu vực biên giới quốc gia. Đây là những vùng trọng yếu phen dậu để bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Lịch sử đã chứng minh sự đóng góp của các dân tộc thiểu số là vô cùng to lớn. Vấn đề đoàn kết dân tộc là vấn đề sống còn đòi hỏi nhà nước phong kiến Việt Nam phải thực hiện, vì mục đích quản lý hành chính, sự ổn định và phát triển của quốc gia.

1. Chính sách đối với các dân tộc thiểu

số của vương triều Lý

Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi Hoàng đế, lập nên vương triều Lý. Năm 1010, chuyển Kinh đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên là Thăng Long. Trong việc thực thi chính sách đối với các dân tộc thiểu số, triều đình nhà Lý thi hành biện pháp lấy hôn nhân để ràng buộc các tù trưởng là người dân tộc thiểu số. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: Kỷ Tỵ (1029) “Tháng 3, ngày mồng 7, gả công chúa Bình Dương cho châu mục châu Lạng là Thân Thiệu Thái”⁽¹⁾. Năm Bính Tỵ (1036) “Tháng 3, gả công chúa Kim Thành cho châu mục châu Phong là Lê Tông Thuận”⁽²⁾; “Mùa Thu, tháng 8, gả công chúa Trường Minh cho châu mục châu Thượng Oai là Hà Thiện Lãm”⁽³⁾; “Nhâm Tuất (1082), mùa xuân, gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục châu Vị Long là

* Tiến sĩ, Học viện Chính trị Khu vực I.

1 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 253.

2 - *Sđđ*, tập I, tr. 258.

3 - *Sđđ*, tập I, tr. 258.

Hà Di Khánh”⁽⁴⁾.

Thông qua biện pháp hôn nhân, nhà Lý liên kết, ràng buộc các tù trưởng người dân tộc thiểu số - những người có thế lực và uy tín rất lớn trong nhân dân vùng biên giới. Chính bằng mối quan hệ thân tộc này mà nhà Lý đã nắm đất, nắm dân, thắt chặt mối quan hệ dân tộc và mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong điều kiện triều đình phong kiến chưa đủ sức mạnh để với tới những miền biên giới xa xôi, hẻo lánh.

Có những dòng họ lớn như họ Thân ở Đông Giáp, nhà Lý đã ràng buộc khá chặt chẽ bằng biện pháp hôn nhân. Chính vì vậy mà tù trưởng họ Thân này luôn tỏ ra vâng vàng trước sự dụ dỗ, mua chuộc, gây sức ép của nhà Tống (ở Trung Quốc).

Bằng chính sách hôn nhân mà nhà Lý đã ràng buộc được các tù trưởng, biết được thái độ của họ đối với triều đình, cũng như những diễn biến phức tạp vùng biên giới. Trường hợp của Dương Tự Minh là một ví dụ, ngoài việc phong chức, nhà Lý còn gả công chúa cho ông. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: Quý Hợi (1143) “Mùa thu, tháng 8, xuống chiếu cho Dương Tự Minh cai quản việc công các khe động dọc theo đường biên giới về đường bộ”⁽⁵⁾; Giáp Tý (1144) “Gả công chúa Thiếu Dung cho Dương Tự Minh, phong Tự Minh là phò mã lang”⁽⁶⁾.

Được nhà Lý tin tưởng và gả công chúa nên Dương Tự Minh đã cùng nhân dân ở đây ra sức sản xuất, ổn định cuộc sống. Đặc biệt chú trọng xây dựng mạng lưới an ninh vững chắc, chống lại mọi hoạt động gây mất ổn định xâm lược của các thế lực thù địch.

Trong hôn nhân, vua Lý còn nhận con,

em các dân tộc thiểu số làm phi. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Quý Dậu (1033), Châu Định Nguyên làm phản. Tháng 2, vua thân đi đánh... Mông 8 quân đi từ Kinh sư, đóng lại ở châu Chân Đăng, có người đàn bà họ Đào dâng con gái, vua nhận cho làm phi...”⁽⁷⁾.

Với những tù trưởng miền núi có âm mưu làm phản, nhà Lý đã thi hành biện pháp cứng rắn hơn: trấn áp. Nhà Lý đã hàng chục lần đem quân trừng phạt các cuộc nổi dậy cát cứ, làm phản của các tù trưởng: Năm 1043, 1048, 1052, 1125, 1140, 1141... Sau những cuộc chinh phạt đó, nhà Lý lại rút quân về và trao trả đất cho các tù trưởng địa phương như cũ, còn phong tước cho họ, mà trường hợp Nùng Trí Cao là điển hình. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: Quý Mùi (1043) “Tháng 9, ngày mồng 1, sai Ngụy Trưng đến châu Quảng Nguyên, ban cho Nùng Trí Cao đô ấn, phong làm Thái Bảo”⁽⁸⁾. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lời bình của Lê Văn Hưu như sau: “Năm trước, Nùng Tôn Phúc làm phản nghịch, tiếm hiệu, lập nước, đặt quan thuộc, Thái Tông đã trị tội Tôn Phúc, mà tha cho con là Trí Cao. Nay Trí Cao lại theo việc trái của cha thì tội lớn lắm, giết đi là phải, nếu lấy lại tước và ấp phong, giáng làm thứ dân thì cũng phải. Thái Tông đã tha tội, lại cho thêm mấy châu quận nữa, ban cho ấn tín, phong làm Thái Bảo. Như thế là thưởng phạt không có phép tắc gì. Đến khi Trí Cao gây tai họa ở Quảng Nguyên, lại đem quân đi đánh, mượn cớ là viện trợ láng giềng, có khác gì thả cọp beo cho cắn người, rồi từ từ đến cứu không? Đó là vì Thái Tông say đắm cái lòng nhân nhỏ nhặt của nhà Phật mà

4 - *Sđđ*, tập I, tr. 281.

5 - *Sđđ*, tập I, tr. 315.

6 - *Sđđ*, tập I, tr. 315.

7 - *Sđđ*, tập I, tr. 255.

8 - *Sđđ*, tập I, tr. 264.

quên mất cái nghĩa lớn của người làm vua”⁽⁹⁾.

Lê Văn Hữu có lý của ông khi bàn luận về vấn đề này, vì dù sao ông cũng mang tư tưởng trung quân phong kiến. Chúng tôi cho rằng, trong điều kiện triều đình trung ương chưa đủ sức mạnh để nắm miền biên giới xa, trong hoàn cảnh mà uy tín của tù trưởng họ Nùng đang rất cao trong nhân dân vùng Quảng Nguyên, cách giải quyết như vua Lý đã làm là hợp tình, hợp lý.

2. Chính sách đối với các dân tộc thiểu số của vương triều Trần

Năm 1225, nhà Trần thay thế nhà Lý, nhưng chính sách của nhà Trần về cơ bản vẫn duy trì chế độ tự quản ở miền biên giới, giao cho các tù trưởng coi việc an ninh, trật tự vùng đất của họ như nhà Lý đã thực hiện. Nhà Trần còn gả hoàng thân quốc thích của nhà Lý cho tù trưởng miền núi. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Đưa các cung nhân và con gái họ hàng Lý Huệ Tông gả cho các tù trưởng người Man”⁽¹⁰⁾.

So với nhà Lý, có một điểm khác biệt là nhà Trần cử những quý tộc có khả năng, những quan lại danh tiếng am hiểu phong tục, tập quán của các dân tộc thiểu số đem quân lên trấn tại vùng biên ải cùng hiệp trợ cai quản. Trong các quan lại được cử lên trấn tại vùng biên ải thì Trần Nhật Duật nổi bật hơn cả. Ông được cử đi Đà Giang và Quy Hóa. Bằng tài năng của mình, ông đã làm việc rất có hiệu quả trong việc vận động các tù trưởng và nhân dân ở đây trung thành với nhà Trần. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang làm phản. Vua sai Chiêu Văn Vương Nhật Duật đi dụ hàng. Bấy giờ Nhật Duật coi đạo Đà Giang,

ngầm đem quân thuộc hạ đến. Trịnh Giác Mật sai người đến quân doanh bày tỏ lòng thành: “Mật không dám trái mệnh. Nếu ân chúa một mình một ngựa đến thì Mật xin hàng”. Nhật Duật nhận lời, chỉ đem 5, 6 tiểu đồng cùng đi. Quân sĩ ngăn lại, Nhật Duật nói: “Nếu nó giáo giở với ta thì triều đình còn có vương khác đến”. Khi tới trại, người Man dàn vây mấy chục lớp và đều cầm đao thương chia vào phía trong. Nhật Duật đi thẳng vào, trèo lên trại. Mật mời ông ngồi. Nhật Duật thạo biết tiếng nói và am hiểu phong tục của nhiều nước, cũng ăn bốc, uống bằng mũi với Mật. Người Man thích lắm. Khi Nhật Duật trở về, Mật đem gia thuộc đến doanh trại đầu hàng. Mọi người đều vui lòng kính phục vì không mất một mũi tên mà bình được Đà Giang. Đến khi về kinh sư, Nhật Duật đem Mật và vợ con hãnh vào chầu, vua rất khen ngợi ông. Sau đó, vua cho Mật về nhà, giữ con hãnh ở lại kinh đô. Nhật Duật mền nuôi hết lòng, xin triều đình ban tước thượng phẩm và cho vào trông ao cá, sau cũng cho về nhà”⁽¹¹⁾.

Đối với những tù trưởng có công đánh giặc hay quy thuận triều đình thì nhà Trần thưởng công một cách xứng đáng như trường hợp của Hà Bổng chủ trại Quy Hóa được phong tước hầu. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Cho Man trưởng Lạng Giang Lương Uất làm trại chủ Quy Hóa. Hà Tất Năng làm quan phục hầu vì đã chỉ huy người Man đánh giặc”⁽¹²⁾.

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông, cũng có những tù trưởng người Man đã hy sinh vì Tổ quốc. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Dụ binh giặc đến

9 - *Sđd*, tập I, tr. 265.

10 - *Sđd*, tập II, tr. 9.

11 - *Sđd*, tập II, tr. 46.

12 - *Sđd*, tập II, tr. 64.

huyện Phù Ninh, viên phụ đạo huyện ấy là Hà Đặc lên núi Trí Sơn cố thủ. Giặc đóng ở động Cự Đà. Hà Đặc lấy tre đan thành những hình người to lớn, cho mặc áo, cứ đến chiều tối thì dẫn ra dẫn vào. Lại dùng thủng cây to, cắm tên lớn vào giữa lỗ để giặc ngỡ là sức khỏe bắn xuyên suốt được. Giặc sợ không dám đánh nhau với Đặc. Quân ta hằng hái xông ra đánh bại được giặc. Đặc đuổi đến A Lạp, bắc cầu phao qua sông, hằng đánh quá bị tử trận. Em là Chương bị giặc bắt, lấy trộm được cờ xí, y phục của giặc trốn về, đem dâng lên, xin dùng cờ ấy giả làm quân giặc, đến doanh trại giặc. Giặc không ngờ là quân ta, do vậy ta cả phá được chúng⁽¹³⁾.

Do chính sách với các dân tộc thiểu số đúng đắn như vậy nên trong cuộc chiến tranh chống quân Nguyên - Mông, nhà Trần không những đã tập hợp được đông đảo nhân dân mà còn đoàn kết được đại bộ phận các dân tộc thiểu số vào cuộc chiến tranh vệ quốc chống giặc ngoại xâm hung bạo bậc nhất lúc bấy giờ.

Tuy nhiên, nếu trường hợp mà hàng giặc, hay có mưu đồ làm phản thì cương quyết trị tội. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Tháng 5, trị tội những kẻ hàng giặc. Chỉ quân lính và dân thường được miễn tội chết, nhưng bắt chõ gỗ đá, xây cung điện để chuộc tội, quan viên phạm tội hàng giặc thì tùy tội nặng nhẹ mà xét xử⁽¹⁴⁾”.

Về việc trấn áp các tù trưởng không chịu quy thuận, làm phản, nhà Trần cũng đã thực hiện khá mạnh mẽ. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: Bính Tuất (1226) “sai Trần Thủ Độ đem quân đi đánh Nguyễn Nộn, Đoàn

Thượng và các man. Lúc ấy, nhân thế suy yếu của triều Lý, giặc cướp tụ tập nhiều. Người Man ở vùng Tản Viên, vùng núi Quảng Oai xâm phạm đánh lẫn nhau, Nguyễn Nộn chiếm cứ Bắc Giang, Đoàn Thượng chiếm cứ Hồng Châu. Thủ Độ điều động các quân đi đánh dẹp⁽¹⁵⁾. “Tân Sửu (1241), mùa đông, tháng 10, người Man phương bắc đến cướp biên giới. Sai đốc tướng Phạm Kính Ân đi đánh lấy được các động man rồi về⁽¹⁶⁾”.

Ngoài những biện pháp lúc mềm dẻo, lúc cứng rắn đối với các dân tộc thiểu số, nhà Trần còn có nhiều quý tộc thông thạo, am hiểu phong tục tập quán, ngôn ngữ các dân tộc như Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải để trực tiếp thực thi đối sách với các dân tộc thiểu số. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Quang Khải có học thức, hiểu biết tiếng nói của các phiên (chỉ các dân tộc ít người sống trên lãnh thổ đại Việt thời đó. Nhật Duật còn biết tiếng của nước xung quanh Đại Việt như Hán, Chăm Pa⁽¹⁷⁾”.

3. Chính sách đối với các dân tộc thiểu số của vương triều Lê

Nhìn khái quát thì chính sách của nhà Lê đối với các dân tộc thiểu số không có thay đổi gì lớn so với thời Lý, Trần. Các vùng dân tộc thiểu số nằm dưới quyền cai quản của triều đình nhưng thực tế thì ảnh hưởng cũng như sự cai trị ở những vùng này còn yếu. Các tù trưởng vẫn trực tiếp cai trị trong vùng và có uy quyền rất lớn. Nhà Lê dùng quan tước và bổng lộc để ràng buộc và kiểm chế các tù trưởng thiểu số vào bộ máy thống trị của mình. Ngay từ năm 1427, khi cuộc kháng chiến chống giặc Minh đang trong giai đoạn

13 - *Sđd*, tập II, tr. 56.

14 - *Sđd*, tập II, tr. 65.

15 - *Sđd*, tập II, tr. 68.

16 - *Sđd*, tập II, tr. 18.

17 - *Sđd*, tập II, tr. 72.

quyết liệt nhất, để tăng cường khối đoàn kết toàn dân nhằm tạo thêm sức mạnh đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, Lê Lợi đã ban quan tước cho phụ đạo các xứ vùng dân tộc thiểu số. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Bọn phụ đạo Mường Mộc, trấn Gia Hưng là Xa Khả Tham quy thuận. Trao cho Khả Tham chức nhập nội tư không đồng bình chương sự tri Đà Giang trấn thượng bạn; ban cho túi kim ngư, tước Trụ quốc Quan Phục hầu. Cho Xa Lộc làm Kim ngô vệ thượng tướng quân, tước Đại trí tự; Xa Khát, Xa Bàn, Xa Điểm đều được làm Ngọc kiểm vệ đại tướng quân, tước Ninh tự, đều được ban quốc tính”⁽¹⁸⁾.

Tuy nhiên, nếu các thổ tù địa phương có âm mưu làm phản thì kiên quyết đánh dẹp. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Canh Tuất (1430), mùa đông, tháng 11, vua đi đánh bọn nghịch tặc ở châu Thạch Lâm, trấn Thái Nguyên là Bế Khắc Triệu và Nông Đắc Thái. Bấy giờ, Khắc Triệu và Đắc Thái tranh nhau tự lập, nên phải đi đánh”⁽¹⁹⁾. “Nhâm Tý (1432), mùa xuân, tháng giêng, sai thân vương Tư Tế đi đánh châu Mường Lẽ. Tù trưởng châu là Đèo Cát Hãn và con là Đèo Mạnh Vượng ra hàng. Cho ở Đông Kinh, lập Hãn làm Tư mã, rồi năm sau giết chết. Mùa Đông, tháng 11, vua thân đi đánh châu Phục Lễ. Vua lại đi đánh Ai Lao”⁽²⁰⁾. “Ất Mão (1435), ngày 21, lấy Tư mã Tây đạo Lê Bôi làm Tổng quản; hữu bật Lê Văn Linh làm Tham đốc, đốc suất các vệ quân năm đạo và hai vạn trấn quân Nghệ An đi đánh tên phản nghịch Cầm Quý ở châu Ngọc Ma làm phản... bắt Cầm Quý đóng vào cũi đưa về

kinh sư”⁽²¹⁾.

Nhà Lê cũng quy định chặt chẽ việc người dân về kinh thành. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Ra lệnh chỉ cho các trấn, huyện, xã, thôn, sách, trang rằng: Khi có người về kinh làm việc, nếu là quân thì phải có tướng hiệu, là dân thì phải có quan lộ, huyện chuyển đưa lên. Nếu là các quan đi việc công hay tư thì lấy giấy tờ ở huyện mình. Còn quân nhân ở kinh và người nhà quan đại thần, thế gia nếu có lĩnh giấy sai đi làm việc gì thì Tổng quản, Tổng tri, nha ấy hay nhà ấy cấp giấy tờ. Quân hay dân đi buôn bán, cũng phải xin giấy thông hành của quan lộ, huyện. Tuân kiểm các trấn và người kiểm soát các nơi dọc đường thủy, đường bộ cần phải xét hỏi rõ ràng, người nào không có giấy thông hành thì phải ngăn lại không cho đi...”⁽²²⁾.

Dưới triều Lê, ngoài mối lo từ các thổ tù dân tộc thiểu số vùng biên giới phía Tây, Tây Bắc và phía Bắc nổi dậy cát cứ, triều đình trung ương còn có thêm một mối lo lớn hơn, đó là những cuộc xâm lấn biên giới phía Nam Đại Việt của tộc người Chăm trong quốc gia Chiêm Thành. Mặc dù thỉnh thoảng Chiêm Thành vẫn cử sứ giả sang tiến cống Đại Việt, nhưng họ vẫn dung túng cho quân lính nhiều lần xâm lấn châu Hóa (tức đất Nam Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế ngày nay)⁽²³⁾. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Tháng 4 năm Giáp Dần (1434), Chiêm Thành cướp bắt người châu Hóa. Chúa Chiêm Thành là Bồ Đề nghe tin Thái Tổ băng, thấy vua mới lên ngôi, ngờ là nước ta có biến loạn, bèn tự mình cầm quân ra

18 - *Sđđ*, tập II, tr. 271 - 272.

19 - *Sđđ*, tập II, tr. 305.

20 - *Sđđ*, tập II, tr. 306.

21 - *Sđđ*, tập II, tr. 333.

22 - *Sđđ*, tập II, tr. 320.

23 - Nguyễn Minh Tường: “Chính sách đối với dân tộc thiểu số thời Lê sơ”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, 2012, số 6, tr. 13.

đóng sát biên giới, chục mưu vào cướp. Nhưng vì chưa rõ thực hư, không dò hỏi vào đầu được, mới sai thuyền đi ngấm vào Cửa Việt cướp bắt mấy người rồi đi. Dân địa phương đánh lại, bắt được 2 người đem nộp⁽²⁴⁾. Trước hành động trên, tháng 5 năm đó, triều đình cử Nhập nội Tư mã Lê Liệt, Tổng đốc các quân Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa đi tuần tra các nơi thuộc Tân Bình, Thuận Hóa, nếu gặp bọn giặc cỏ Chiêm Thành vào cướp biên giới mà có viên chỉ huy hay tên lính nào vi phạm quân lệnh hoặc sợ hãi rút lui thì cho chém trước tàu sau. Triều đình còn sai Nhập nội Thiếu úy Lê Khôi và Hành khiển tổng quản Lê Truất cùng đốc suất các quân ở Tân Bình và Thuận Hóa cùng hợp sức với Lê Liệt làm việc⁽²⁵⁾.

Tháng 11 năm Canh Dần (1470), vua Lê Thánh Tông xuống chiếu thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Lần xuất quân này, nhà Lê huy động tất cả 26 vạn tinh binh. Ngày mùng 7, nhà vua sai Chinh lỗ tướng quân Lân quận công Đinh Liệt, phó tướng Kỳ quận công Lê Niệm chỉ huy 10 vạn thủy quân đi trước. Ngày 16, vua Lê Thánh Tông tự đốc xuất 15 vạn thủy quân tiến tiếp sau. Ngày 18 tháng Chạp năm ấy, thủy quân do Đinh Liệt, Lê Niệm chỉ huy tiến vào đất Chiêm Thành, đại quân do Lê Thánh Tông chỉ huy đóng trên đất châu Hóa.

Ngày mùng 2 tháng Giêng năm Tân Mão (1471), nhà vua cho là khi đại quân sắp vào đất Chiêm Thành, quân lính cần phải luyện tập, do đó, xuống chiếu cho quân đội đóng ở Thuận Hóa ra biển tập thủy chiến.

Tháng 6 năm ấy, vua Lê Thánh Tông lấy đất Chiêm Thành đặt làm Thừa tuyên

Quảng Nam và đặt vệ Thăng Hoa⁽²⁶⁾.

Sau cuộc kháng chiến chống Minh thắng lợi (1428), người Hoa cư trú trên lãnh thổ Việt Nam khá đông, tổng số phải lên đến hàng vạn người. Để giúp họ hòa nhập theo phong tục Đại Việt, đồng thời cũng để dễ quản lý về hành chính, triều đình nhà Lê, vào tháng 12 năm Đinh Tỵ (1437) có quy định về phong tục tập quán mà người Hoa phải tuân thủ khi cư trú ở Việt Nam. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Ra lệnh cho người Minh phải mặc quần áo người Kinh và cắt tóc ngắn⁽²⁷⁾”.

Đối với người Chăm cư trú tại Đại Việt, triều đình nhà Lê tỏ ra quan tâm nhiều hơn. Vào khoảng đầu đời Lê Thánh Tông, số người Chăm cư trú khá đông đảo, nên vào tháng 11 năm Đinh Hợi (1467), triều đình ra lệnh: “Sai kiểm xét hộ khẩu của người Chiêm Thành đã quy thuận vào ước thúc ngăn cấm các hạng nô tỳ công và tư⁽²⁸⁾”. Tháng 9 năm Nhâm Thìn (1472), vua Lê Thánh Tông ra sắc chỉ cho Thái bộc tự khanh phải xét họ tên của những người Chăm cư trú tại Đại Việt. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết: “Họ của người Chiêm thì mới cũ theo đúng quy chế, họ của người Man thì dồn lại làm một, nếu trùng lặp thì chỉ để 3 chữ thôi, như là Tô Môn - Tô Sa Môn; Sa Qua - Sa Oa Qua⁽²⁹⁾”.

Để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, củng cố khối đoàn kết dân tộc, các vương triều Lý, Trần, Lê đã thi hành nhiều chính sách đối với các dân tộc thiểu số

24 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 314.

25 - *Sđđ*, tr. 315.

26 - Nguyễn Minh Tường: “*Chính sách đối với dân tộc thiểu số thời Lê sơ*”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6, 2012, tr. 15 - 16.

27 - *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 347.

28 - *Sđđ*, tập II, tr. 430.

29 - *Sđđ*, tập II, tr. 460.

một cách tương đối đúng đắn, hợp lý nên có hiệu quả khá rõ rệt. Hôn nhân ràng buộc các tù trưởng thiểu số của triều Lý; phong quan tước hoặc cho những quý tộc am hiểu phong tục tập quán các dân tộc thiểu số để quy phục các tù trưởng dưới triều Trần; dùng quan tước để ràng buộc dưới triều Lê là những biện pháp được thực hiện trong điều kiện nhà nước trung ương chưa đủ mạnh để vươn tới những vùng xa, hoặc trong điều kiện đất nước luôn có chiến tranh nên vấn đề đoàn kết dân tộc phải được đặt lên hàng đầu. Những chính sách này thể hiện sự sáng tạo tự chủ của cha ông ta trong điều kiện lịch sử phải luôn luôn đối đầu với nhiều thế lực thù địch ở bên ngoài. Và nó cũng chỉ có hiệu quả khi họa mất nước đang đe dọa trực tiếp cuộc sống, quyền lợi trước tiên của tầng lớp thống trị. Khi hòa bình lập lại thì tư tưởng ly khai lại bùng lên và nạn cát cứ lại xuất hiện. Tuy còn những hạn chế lịch sử nhất

định, nhưng trong điều kiện lúc bấy giờ chính sách dân tộc của các triều đại Lý, Trần, Lê được xem là phù hợp và đạt được những kết quả tích cực trong giải quyết những vấn đề đối với các dân tộc thiểu số. Những chính sách ấy đến ngày nay còn nguyên những giá trị và ý nghĩa trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Phan Hữu Dật - Lâm Bá Nam: "Chính sách dân tộc của các chính quyền Nhà nước phong kiến Việt Nam (X - XIX)", Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
2. Đại Việt sử ký toàn thư, tập I - II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
3. Trần Trọng Kim: "Việt Nam sử lược", Nxb Đà Nẵng, 2003.
4. Nguyễn Minh Tường: "Chính sách đối với các dân tộc thiểu số vùng biên giới phía bắc của vương triều Lý", Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5, 2012, tr. 24 - 32.
5. Nguyễn Minh Tường: "Chính sách đối với dân tộc thiểu số thời Lê sơ", Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6, 2012, tr. 9 - 19.

TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM ... (tiếp trang 40)

Thứ tư, trong phát triển quan hệ với các nước láng giềng và khu vực cần coi trọng phương châm đã được xác định là "phát triển kinh tế là trung tâm" và "phát triển kinh tế - thương mại gắn kết với quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại", mọi chủ trương, chính sách đối với các nước láng giềng đều tập trung phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong tình hình mới, cần xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển và an ninh theo hướng coi phát triển là nhân tố quyết định nhất đảm bảo an ninh, phát triển kinh tế để đảm bảo an ninh và ngược lại, đảm bảo an ninh nhằm phục vụ phát triển kinh tế.

Thứ năm, cần phát huy cao nhất tính chủ động và linh hoạt, nâng cao tính thiết thực, thực tế trong quan hệ đối ngoại với các nước

láng giềng và khu vực, không tạo cơ để các lực lượng bên ngoài kích động chia rẽ, chống phá quan hệ của nước ta với các nước láng giềng; thúc đẩy hợp tác nhưng đồng thời kiên quyết, chủ động, thực tế và khôn khéo đấu tranh để bảo vệ, duy trì lợi ích tối cao của quốc gia dân tộc.

Có thể nói, củng cố và phát triển quan hệ với các nước láng giềng và trong khu vực là một trong những vấn đề phức tạp, nhạy cảm và có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong đường lối, chính sách và hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta. Giải quyết hiệu quả mối quan hệ này sẽ là cơ sở, điều kiện cần thiết cho quá trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng vì mục tiêu hòa bình và phát triển của Việt Nam hiện nay. ■

